

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cao

Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thuý.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà H, ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết, sau quá trình tìm hiểu thì phát sinh tình cảm, được gia đình hai bên đồng ý nên bà và ông T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Long An ngày 12/12/2008.

Sau khi cưới, vợ chồng sống tại xã L, huyện B, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tính không hợp nhau, ông T không chăm lo cho vợ con, cũng không có ý chí xây dựng gia đình dù bà đã cho ông T nhiều cơ hội để khắc phục, nhưng không có

kết quả nên ông bà không chung sống với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Thời gian này, ông T cũng không tới lui để hàn gắn tình cảm với bà. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Truyền.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Cao Thị Cẩm Tú, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2012 và Cao Ngọc Cẩm Thúy, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2016. Con chung đang sống với bà, sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bảng tự khai ngày 29/7/2022 bị đơn Ông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của Bà H về thời gian và quá trình quen biết, kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên nhà Bà H tại xã L, huyện B, tỉnh Long An. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2021 do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Ông bà đã không còn chung sống với nhau đầu năm 2022 cho đến nay, cả hai không còn gặp gỡ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà H, ông cũng đồng ý. Đồng thời, ông đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Cao Thị Cẩm Tú, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2012 và Cao Ngọc Cẩm Thúy, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2016. Con chung đang sống với Bà H, sau khi ly hôn, ông đồng ý để Bà H nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải, để các bên hàn gắn tình cảm, nhưng sau đó ông T không đến Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó, ông T cung cấp “Bản tự khai” và “Đơn xin không tiến hành hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt” cùng ngày 29/7/2022. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Bà H và ông T đều vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà H và ông Truyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông T căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Bà H và bị đơn Ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời trình bày cũng như chứng cứ mà các đương sự cung cấp để giải quyết vụ án.

[3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông T, xác định Bà H là nguyên đơn, ông T là bị đơn.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của Bà H:

Bà H và ông T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Long An, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Bà H trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp do và không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn, nên sau khi kết hôn cả hai thường xuyên cãi vã. Ông T cũng không có thiện chí cùng bà xây dựng gia đình. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông bà đã không còn chung sống với nhau. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Bà H trình bày là không còn tình cảm với chồng, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc và mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Truyền. Bị đơn ông T cũng thống nhất với trình bày của bà Truyền về nguyên nhân mâu thuẫn và trước yêu cầu ly hôn của bà Truyền ông cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà H.

Về nuôi con chung: Ông bà có hai con chung tên Cao Thị Cẩm Tú, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2012 và Cao Ngọc Cẩm Thúy, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2016. Xét thấy, cháu Tú và cháu Thúy hiện nay sống với mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ nếu Bà H ông T ly hôn. Xét thấy, từ khi ông bà không chung sống với nhau, các cháu do Bà H nuôi dưỡng, các cháu vẫn phát triển tốt. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày cũng đồng ý giao các con chung cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 cháu Cao Thị Cẩm Tú, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2012 và Cao Ngọc Cẩm

Thúy, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2016 cho Bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của Bà H là không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà H và ông T xác định về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Bà H và ông T xác định nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Nếu sau này, các đương sự có tranh chấp có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H, ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà H đối với Ông T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà H được ly hôn với Ông T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Cao Thị Cẩm Tú, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2012 và Cao Ngọc Cẩm Thúy, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2016 cho Bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà H, Ông T mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp mà bà Cao Văn Truyền theo biên lai thu số 0011945, ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Bến Lức, Long An. Hoàn trả lại cho Bà H 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hiền

